

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2010

20/04/2011

NỘI DUNG

A. THÔNG ĐIỆP	TẦM NHÌN	2
	SỨ MẠNG	2
	GIÁ TRỊ CỐT LÕI	2
	BÁO CÁO CỦA HĐQT	3
B. GIỚI THIỆU CÔNG TY	GIỚI THIỆU CÔNG TY	7
	CƠ CẤU TỔ CHỨC	9
	SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	11
	BAN ĐIỀU HÀNH	12
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
	BAN KIỂM SOÁT	21
C. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	24
	CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	25
D. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	BÁO CÁO QUẢN TRỊ	27
	HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	29
	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	32
E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	BÁO CÁO KQKD	34
	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	37
	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	38
	THUYẾT MINH	39
	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	65

A. THÔNG DIỆP

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm văn hóa & truyền thông, làm phong phú đời sống tinh thần của người Việt Nam.

SỨ MẠNG

Không ngừng đổi mới và hoàn thiện, tạo sự khác biệt để có được những sản phẩm văn hóa và truyền thông hoàn hảo.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ✚ **Đối với cổ đông:** Công ty phát triển bền vững, cổ tức ngày càng tăng.
- ✚ **Đối với khách hàng:** “Thấu hiểu – Thân thiện – Tận tâm – Uy tín – Nhanh chóng” Xem chất lượng phục vụ là thước đo hiệu quả, luôn tận tâm với khách hàng và phấn đấu không ngừng để đem lại những dịch vụ hoàn hảo nhất.
- ✚ **Đối với cán bộ nhân viên:** Môi trường làm việc năng động, được tôn trọng, có cơ hội phát huy năng lực, đóng góp cho công ty và được đãi ngộ xứng đáng cả về vật chất lẫn tinh thần.
- ✚ **Đối với đối tác:** “Hợp tác – Tôn trọng – Uy tín” Hợp tác trên tinh thần hai bên cùng có lợi, luôn tạo cho đối tác sự tin cậy và an tâm.
- ✚ **Đối với cộng đồng:** Góp phần nâng cao trình độ dân trí và đời sống tinh thần cho cộng đồng.

❖ BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2010:

ĐVT: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Số liệu chưa hợp nhất)	Thực hiện (Số liệu đã hợp nhất)
1	Doanh thu thuần	425,361,104,589	299,884,881,015
2	Lợi nhuận gộp	110,049,177,316	96,835,322,559
3	Lợi nhuận trước thuế	10,180,494,931	9,850,308,180
4	Thuế TNDN	1,782,434,561	4,442,673,748
5	Lợi nhuận sau thuế	8,398,060,370	5,407,634,432

(*) Doanh thu thuần chưa hợp nhất năm 2010 là: 342,529 tỉ đồng

CỔ TỨC

Đại Hội Cổ Đông lần XII - 2011 ngày 25/03/2011 đã thông qua chủ trương chi trả cổ tức bằng 5% mệnh giá.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

❖ Mục tiêu

- Tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những đơn vị dẫn đầu trong ngành văn hóa phẩm
- Đẩy mạnh doanh thu, kiểm soát chi phí ở mức hợp lý, tăng lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Kế hoạch kinh doanh 2011

- Doanh thu thuần: 419,493,104,000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 11,153,852,000 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 8 %

❖ Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2011

➢ Hoạt động bán lẻ

- Tiếp tục phát triển mở rộng mạng lưới tại trung tâm các thành phố lớn đông dân cư, sân bay, sân ga...đảm bảo các chỉ tiêu về hiệu quả đầu tư. Ưu tiên các địa phương chưa có nhà sách Phương Nam.
- Tập trung đẩy mạnh bán hàng trực tuyến phù hợp xu hướng tiêu dùng, thị trường nhiều tiềm năng phát triển và chi phí bán hàng thấp, hiệu quả kinh doanh cao.

- Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới Bookcafe để nâng cao tỉ trọng doanh thu Bookcafe, nâng tỉ lệ lợi nhuận gộp bình quân.
- Thực hiện thường xuyên việc củng cố và chuẩn hóa mạng lưới bán lẻ, tạo sự khác biệt từ chất lượng dịch vụ đến việc đa dạng hóa sản phẩm (đặc biệt lưu ý đến các sản phẩm công nghệ cao), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tối ưu hóa phương thức khai thác và cung ứng hàng hóa nhằm nâng cao tỉ lệ lợi nhuận gộp, hàng hóa đầy đủ, phong phú và kịp thời. Thường xuyên cơ cấu lại hàng hóa theo hướng phù hợp nhu cầu của thị trường, gia tăng doanh thu, lợi nhuận gộp, hợp thức hóa diện tích trưng bày.

➤ **Công ty thành viên**

- Chú trọng công tác ổn định nhân sự và nâng cao nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên quản lý, tạo ra một môi trường làm việc đoàn kết, có chính sách đãi ngộ, lương – thưởng và các chương trình đào tạo phù hợp.
- Tập trung đẩy mạnh công tác cung ứng hàng hóa tại các nhà sách PNC, đồng thời phát triển thị trường bên ngoài để gia tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Mở rộng liên kết sản xuất phim chiếu rạp (phim nhựa), đưa Công ty Mega Phương Nam vào hoạt động đúng kế hoạch.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng vốn thông qua việc phát triển sản phẩm mới, tăng sản lượng tiêu thụ, gia tăng doanh thu, kiểm soát tối ưu các khoản chi phí đầu vào, chi phí bán hàng và quản lý phí

➤ **Các phòng ban tham mưu**

- Nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch nhân sự kế thừa
- Hoàn thiện và triển khai chính sách đãi ngộ người lao động theo hiệu quả công việc
- Theo dõi các xu hướng thị trường về lao động để tham mưu kịp thời cho BTGD và kiểm soát được biến động nhân sự.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá nâng cao giá trị thương hiệu, gia tăng tính nhận diện của hệ thống, trở thành 01 địa chỉ thân quen đối với khách hàng.
- Các chương trình khuyến mãi, truyền thông, quảng cáo được nghiên cứu kỹ về thời gian, hình thức tổ chức, nội dung. Các chương trình truyền thông, khuyến mãi tập trung đi vào chiều sâu và có trọng điểm, mang tính hệ thống, kết hợp với các chương trình mang tính địa phương.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường liên quan nhu cầu, thị hiếu, khách hàng... tại từng khu vực, địa phương.
- Đảm bảo hiệu quả của các dự án đầu tư xây dựng và áp dụng các tiêu chí đầu tư (mục đích đầu tư, suất đầu tư, quy mô, địa điểm), quy trình quản lý đầu tư và quản lý các dự án đầu tư.

- Cập nhật, hoàn thiện và tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy định của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các chi nhánh, công ty thành viên để giúp giảm thiểu rủi ro trong hoạt động SXKD và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại các đơn vị.
- Đầu tư, nâng cấp trang bị thiết bị CNTT, phần mềm quản lý bán hàng (POS) để nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của công tác quản lý hệ thống.

B. GIỚI THIỆU CÔNG TY

GIỚI THIỆU CÔNG TY

TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

- Mã chứng khoán : PNC
- Trụ sở chính : Số 940 Đường 3 tháng 2, Phường 15, Quận 11, TpHCM
- Điện thoại : 08.38663 447 Fax: 08.38663 449
- Website: www.pnc.com.vn
- Email: info@pnc.com.vn
- Vốn điều lệ : 100,589,060,000 đồng
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh vật phẩm văn hóa





❖ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

- Tháng 02 năm 1982, công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Quận 11 được thành lập, trực thuộc phòng VH TT Quận 11 chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam ngày nay.
- Ngày 10/07/1989, Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ra quyết định số 403/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Văn hóa và Dịch vụ Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Phòng Văn hóa Thông tin thành Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Ủy ban Nhân dân Quận 11, hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước.
- Cuối năm 1990, Công ty thành lập Xí nghiệp in Phương Nam.
- Ngày 10/02/1992, Công ty thành lập Hãng phim Phương Nam.
- Ngày 12/04/1993, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 170/QĐ-UB thành lập Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đến năm 1999, Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11 được cổ phần hóa theo quyết định số 4430/QĐ-UB ngày 05/08/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hình thức hoạt động của Công ty từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Vật phẩm Văn hóa Phương Nam với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 35%, đánh dấu một giai đoạn chuyển mình đầy cơ hội và thách thức.

- Tháng 3 năm 2004, Công ty phát hành cổ phiếu huy động thêm 5 tỷ đồng từ các cổ đông, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 20 tỷ đồng. Cũng trong năm này Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã đồng ý thông qua việc đăng ký lại tên mới của Công ty là Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam (gọi tắt là Công ty Văn hóa Phương Nam) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, đăng ký lại lần thứ 1 số 4103002356 ngày 31/05/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phát triển với 6 chi nhánh đặt tại các vùng trọng điểm như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ,... cùng với hơn 20 trung tâm phát hành lớn trong cả nước
- Công ty đã đăng ký và tham gia niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM (nay là Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM) và ngày giao dịch đầu tiên là 11/07/2005.
- Tháng 8 năm 2005 Công ty phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu huy động vốn để góp vốn vào dự án đầu tư thành lập Công ty Liên doanh Megastar Media, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 30 tỷ đồng.
- Tháng 12 năm 2006 Công ty phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng.
- Tháng 11 năm 2007 Công ty phát hành thêm 2.500.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 65 tỷ đồng.
- Tháng 01 năm 2008, công ty tiến hành tái cơ cấu và thành lập 4 công ty con từ các phòng ban trực thuộc:
 - + Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam.
 - + Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam.
 - + Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim.
 - + Công ty TNHH MTV In Phương Nam.
- Tháng 6/2009, công ty phát hành thêm 3.558.906 cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 100,589 triệu đồng.
- Năm 2010, Công ty khai trương các nhà sách mới như Kiosk sân bay Cam Ranh (tháng 4/2010), Trung tâm văn hóa Phương Nam – Làng Nghề Huế (tháng 6/2010), Bookcafe Cần Thơ (tháng 7/2010), nhà sách Đà Lạt (tháng 8/2010).
- Tháng 10/2010, Công ty góp vốn thành lập Công ty CP Mega Phương Nam, hoạt động hậu kỳ phim ảnh, với số vốn góp là 4.352.000.000 đ, chiếm 32% tổng vốn điều lệ
- Ngày 03/12/2010, Công ty chính thức khai trương và đưa vào hoạt động Nhà sách trực tuyến Phương Nam tại website <http://www.nhasachphuongnam.com>

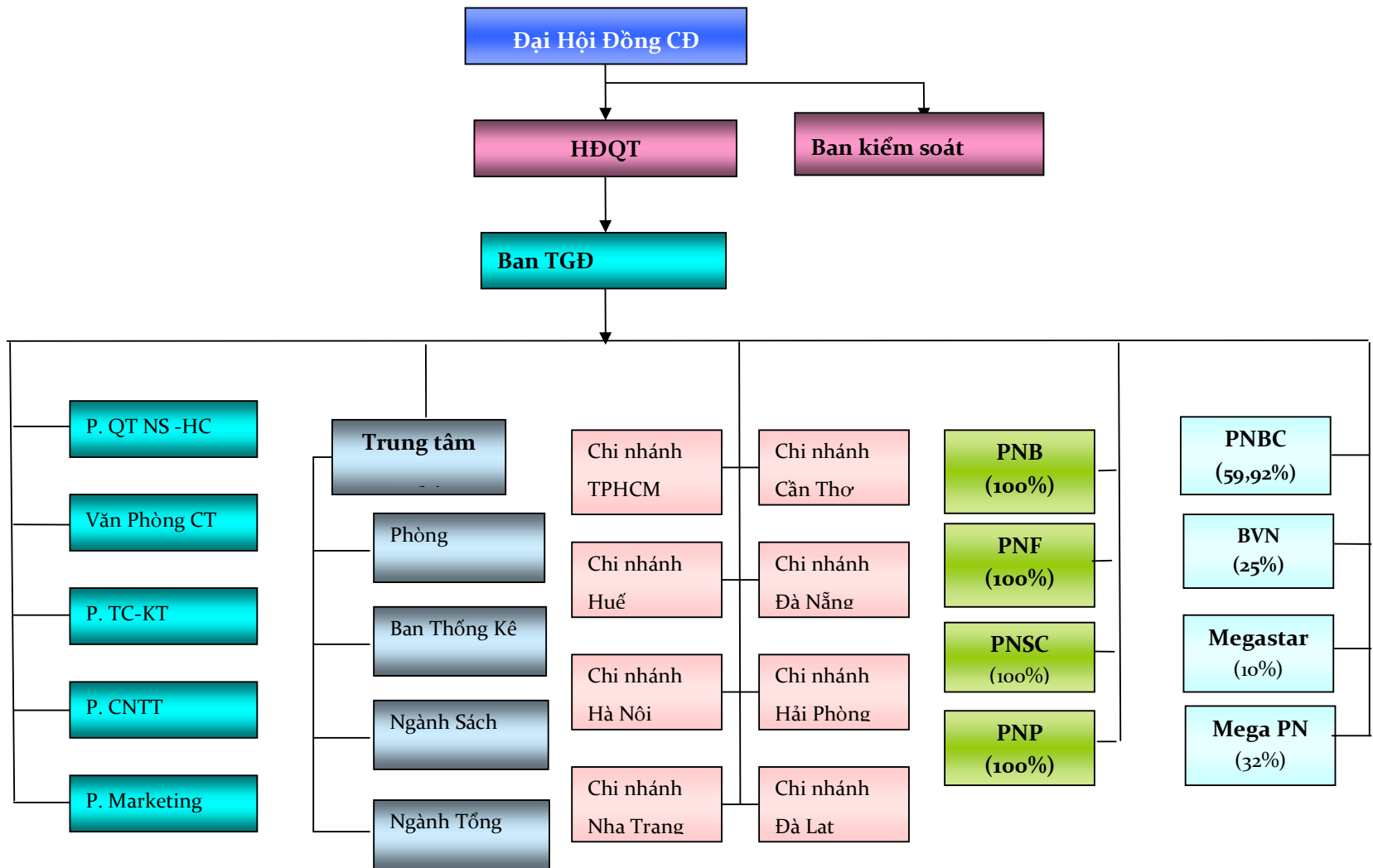
CƠ CẤU TỔ CHỨC

❖ CÔNG TY CON

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	QUAN HỆ	NGÀNH NGHỀ KD
1	CTy TNHH Một Thành Viên Sách Phương Nam (PNB) 	496 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp.HCM	10.000.000.000 (VNĐ)	MẸ - CON	Đại lý phát hành sách báo. Thiết kế đồ họa. Gia công vẽ mỹ thuật trang trí. Lĩnh vực hoạt động: Liên kết xuất bản và phát hành sách các thể loại và các ấn phẩm như sổ tay, audio book, sách nhạc....
2	Công ty TNHH Một Thành Viên Sách Phương Nam Phim (PNF). 	940 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM	18.000.000.000 (VNĐ)	MẸ - CON	Sản xuất, mua bán phim, băng, đĩa có nội dung được phép lưu hành. Kinh doanh rạp chiếu phim. Tổ chức lễ hội. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Mua bán hàng điện, điện tử, nhạc cụ. Đào tạo nghề. Kinh doanh nhà hàng ăn uống, quán ăn uống bình dân.
3	Công ty TNHH Một Thành Viên Văn Phòng Phẩm Phương Nam (PNSC) 	160/13 Đới Cung, P9, Tp.HCM	16.000.000.000 (VNĐ)	MẸ - CON	Sản xuất kinh doanh các loại học cụ: Tập học sinh các loại; Sáp tô màu, bút viết, giấy kiểm tra. Kinh doanh thương mại các dòng VPP thương hiệu nước ngoài. Sản xuất kinh doanh & thực hiện gia công các loại vật phẩm làm từ giấy: lịch, sổ tay, bao thư, giấy note.
4	Công ty TNHH Một Thành Viên In Phương Nam (PNP)  CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN IN PHƯƠNG NAM	160/12 - 160/14 Đới Cung, Phường 9, Quận 11, Tp.HCM	14.000.000.000 (VNĐ)	MẸ - CON	In trên bao bì. Đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách. Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành in. Đại lý phát hành sách báo. Sản xuất, mua bán dụng cụ học tập.

❖ CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT:

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỈ LỆ GÓP VỐN	NGÀNH NGHỀ KD
1	Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam (PNBC) 	940 Đường 3/2 Phường 15, Quận 11, Tp.HCM	16.000.000.000 (VNĐ)	59,92%	Mua bán hàng gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình. Đại lý phát hành sách báo, tạp chí văn hóa phẩm. Mua bán văn phòng phẩm, đồ chơi trẻ em. Mua bán băng đĩa có nội dung được phép lưu hành. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp. Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm. Sản xuất, phát hành phim có nội dung được phép lưu hành. Quảng cáo thương mại. Dịch vụ tiếp thị. Nghiên cứu thị trường.
2	Công ty Liên Doanh Megastar	Parkson Plaza (Lầu 7), 126 Hồng Bàng, P.12, Q.5, TPHCM	8.000.000 (USD)	10%	Nhập khẩu phim, Rạp chiếu phim...
3	Công ty CP Truyền Thông Bách Việt Phương Nam (BVN)	KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	10.000.000.000 (VNĐ)	25%	Thực hiện dịch vụ mua bán bản quyền các sản phẩm truyền thông, chủ yếu trong lĩnh vực âm nhạc, điện ảnh. Thực hiện các công đoạn sản xuất, hậu kỳ...
4	Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học Sóc Trăng	66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	5.132.500.000 (VNĐ)	23,08%	Kinh doanh các loại sách giáo khoa, sách tham khảo, các loại ấn phẩm dùng cho giáo viên, học sinh, vật phẩm văn hóa, các loại thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, máy vi tính, mạng máy tính phục vụ trong trường học. Dịch vụ game và internet. Sản xuất, mua bán đồ dùng trong trường học.
5	Công ty CP Mega Phương Nam	19C Lê Thị Riêng, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	13.600.000.00 (VNĐ) (800.000USD)	32%	Hoạt động hậu kỳ phim



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

BAN ĐIỀU HÀNH

❖ Bà PHAN THỊ LỆ:

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 02/02/1959

Nơi sinh: Khánh Hòa

CMND số: 020588347 do CA TPHCM cấp ngày 15/08/2002

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: E25-K300 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) 38663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thống kê - Kế toán

Quá trình công tác:

- 1978 - 1982: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh
- 1983 - 1989: Kế toán trưởng Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11
- 1989 - 1992: Giám đốc Công ty Văn hóa Tổng hợp Quận 11
- 1992 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Văn hóa Phương Nam

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 550.229 cổ phiếu chiếm 5,47% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

❖ Ông NGUYỄN HỮU HOẠT.

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/04/1961

Nơi sinh: Quảng Nam.

CMND số: 022394302 do CA TPHCM cấp ngày 09/02/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam.

Địa chỉ thường trú: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) - 38663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp - Hành chính

Quá trình công tác:

- 1978 - 1982: Nghĩa vụ quân sự
- 1982 - nay: Công tác tại Công ty Văn hoá Tổng hợp Quận 11, nay là công ty CP Văn hoá Phương Nam với các chức vụ sau:
 - Trưởng Ban điều hành Công viên Văn hoá Đầm Sen
 - Phụ Trách khối các cửa hàng in lụa
 - Giám đốc Xí nghiệp In
 - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Văn hoá Phương Nam

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 38.324 cổ phiếu chiếm 0,38% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

❖ **Bà PHAN MỘNG THÚY.**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 03/11/1963

Nơi sinh: Sài Gòn

CMND số: 022735834 do CA TPHCM cấp ngày 14/03/2003

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 159/16 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) - 38663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 05/1982-04/1992: Nhân viên Công ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng hợp Q1
- 05/1992-05/2008: Chủ nhiệm, Phó Giám Đốc, Giám đốc Hãng Phim Phương Nam – Công ty CP Văn Hóa Phương Nam
- 05/2008-12/2009: Giám đốc Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam
- 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Văn Hóa Phương Nam

Số cổ phiếu đang nắm giữ: 4.773 cổ phiếu chiếm 0,047% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan với Công ty: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

❖ **Ông LÃ THÁI HIỆP**

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Tài Chính kiêm Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 28/12/1977

Nơi sinh: TP. HCM

CMND số: 023102923 do CA TPHCM cấp ngày 14/02/2008

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 10/25 Đường 379, P. Tăng Nhơn Phú A, Q. 9, Tp. HCM

ĐT liên lạc: (84-8) 3866 3447

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

Trình độ chuyên môn: Tài chính - kế toán

Quá trình công tác:

- 2000 - 2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH SELCO - Vietnam
- 2005 - 2006: Kế toán tài chính Công ty TNHH NESTLE - Vietnam
- 2006 - 2007: Kế toán trưởng Công ty LD SCANMACH Vietnam
- 2007 - 10/2008: Chuyên viên phân tích tài chính – Công ty BASF Business Services Center

- 10/2008 - nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Văn hoá Phương Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Bà Phan Thị Lệ - Chủ tịch HĐQT

Lý lịch tóm tắt như trên

❖ Ông Nguyễn Hữu Hoạt - Phó chủ tịch HĐQT

Lý lịch tóm tắt như trên

❖ Bà Trần Thị Mai - Thành Viên HĐQT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/12/1951

Nơi sinh: Tiền Giang

CMND số: 020300975 do CA TPHCM cấp ngày 23/07/1987

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 3/9 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, TpHCM.

ĐT liên lạc: (84-8) 3930 3623/ 3930 4601/ 3930 4600

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học sư phạm chuyên ngành Hoá

Quá trình công tác:

- 1974 - 1980: Giáo viên giảng dạy tại Trường cấp 3 Vũng Tàu.
- 1980 - 1984: Giáo viên giảng dạy tại Trường Lý Tự Trọng, TpHCM.
- 1985 - 1989: Phó phòng Hội chợ Triển lãm - Công ty Hội chợ TpHCM.
- 1990 - 1992: Trợ lý Giám đốc Công ty Young Mike LTD - Taiwan.
- 1992 - nay: Giám đốc đại diện tập đoàn HUALON CORP (Malaysia)

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Giám đốc văn phòng đại diện tập đoàn HUALON CORP (Malaysia) tại Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 68.152 cổ phần chiếm 0,68% VDL.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 68.152 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ Ông Nguyễn Ngọc Bích - Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 1945

Nơi sinh: Hà Tây.

CMND số: 022594899 do CA TPHCM cấp ngày 20/09/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đỗ Động, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà tây

Địa chỉ thường trú: 14P Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, TpHCM.

ĐT liên lạc: (848) 3829 5619

Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

- 1973 - 1975: Luật sư đoàn Luật sư Sài Gòn.
- 1989 -1992: Cố vấn luật pháp tại Công ty Overseas Finance & Trading Corp TpHCM.
- 1993 - 1994: Cố vấn luật pháp tại Công ty INVESTIP.
- 1994 - 1996: Đại diện tại Việt Nam cho Law firm Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison, New York City.
- 1994 - 2003: Giảng viên Trường Đại học Tổng hợp TpHCM, Đại học Mở Bán công TpHCM, Đại học Luật TpHCM, Trường đào tạo các chức danh tư pháp; Luật sư tại VPLS Phương Thuận và Bích, đã gia nhập Đoàn Luật sư Tp.HCM, chuyên về Luật Công ty, Luật Tài chính, Luật Thương mại.

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Luật sư

Số cổ phần nắm giữ: 36.096 cổ phần chiếm 0,36% VDL.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 36.096 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ **Ông Phạm Uyên Nguyên - Thành Viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/06/1968

Nơi sinh: Sài Gòn

CMND số: 002017374 do CA TPHCM cấp ngày 25/11/2003

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 168/34H D2, P.25, Quận Bình Thạnh, TpHCM

ĐT liên lạc: (84-8) 3821 9930

Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành Tài chính Ngân hàng).

Quá trình công tác:

- 07/1990 - 07/1991: Phóng viên tập sự - Báo Tuổi trẻ.
- 07/1991 - 07/1994: Cán bộ nghiên cứu - Viện Kinh tế TpHCM.
- 07/1994 - 07/1997: Du học tại Singapore (Trường ĐH Công nghệ Nanyang) và Mỹ (Trường ĐH Pennsylvania), chương trình Thạc sĩ Quản trị (MBA) chuyên ngành Tài chính Ngân hàng, học bổng toàn phần của chính phủ Singapore; là cố vấn đầu tư (Investment Advisor) - Công ty đầu tư của chính phủ Singapore (GSIC - Government of Singapore Investment Corporation).
- 07/1997 - 02/2000: Phó trưởng Ban thẩm định - Quỹ đầu tư phát triển đô thị TpHCM (Hifu).
- 01/2000 - 09/2003: Giám đốc chi nhánh tại TpHCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).
- 09/2003 - 03/2007: Giám đốc điều hành kiêm Trưởng văn phòng đại diện Công ty VinaCapital Investment Management Ltd, đơn vị quản lý Quỹ đầu tư VietNam Opportunity Fund (VOF); Giám đốc các Công ty thành viên thuộc VOF: VOF Investment Ltd, Asia Value Investment Ltd, Vietnam Venture Ltd, VietNam Investment Ltd và VietNam Enterprise Ltd; Tổng giám đốc Công ty Đầu tư Phong Phú.
- 03/2007 - 09/2007: Cố vấn cao cấp Công ty VinaCapital Investment Management Ltd.
- 09/2007 - nay: Sáng lập viên, Phó CT thường trực HĐQT kiêm TGD Công ty CP Quản lý quỹ Hợp lực Việt Nam (Hợp Việt).

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 24.641 cổ phần chiếm 0,24% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 24.641 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

✓ Cha Phạm Huyền nắm giữ 445 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ Ông Võ Ngọc Thành – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/11/1961

Nơi sinh: Đồng Xuân, Phú Yên

CMND số: 023004334 do CA TPHCM cấp ngày 09/04/2004

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Yên

Địa chỉ thường trú: 201/100 Hoàng Việt, P4, QTB, Tp.HCM

Địa chỉ cơ quan: 03 Đường 3/2, P11, Q10, TpHCM

ĐT liên lạc: (84-8) 3834 2002 - 3835 6617

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Châu á học và Quản trị tiếp thị
Trường Đại học Adamson - Manila, Philippines.

Quá trình công tác:

- 1983 - 1988: Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp Vật Tư - Công ty Bông TW
- 1989 - 1994: Trưởng Văn phòng Đại diện - Công ty Imexpan Pacific (Philippines) tại Việt Nam.
- 1995 - nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng giám đốc Công ty TNHH TMDV An Phong, chủ đầu tư Hệ thống siêu thị Maximark.

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 310.000 cổ phần chiếm 3,08% vốn điều lệ

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 310.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ Ông Phạm Vĩnh Đức – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/02/1975

Nơi sinh: Thanh Hóa

CMND số: 023452357 do CA TPHCM cấp ngày 25/04/2006

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 4/6 Đờ Sơn, P4, Quận Tân Bình, Tp.HCM

ĐT liên lạc: (84-8) 62939294 - 0986263939

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Tài chính doanh nghiệp.

Quá trình công tác:

- 1998 - 2006: Phòng tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 2006 - nay: Nhà đầu tư tự do trên thị trường.

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ: 179.030 cổ phần chiếm 1,82% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 179.030 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ - Vũ Thị Nguyệt nắm giữ 319.320 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

❖ Ông Võ Viết Hoà - Trưởng Ban KS.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 08/04/1953

Nơi sinh: Phú Yên

CMND số: 020136495 do CA TPHCM cấp ngày 27/07/2000

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phú Yên

Địa chỉ thường trú: 229/5A Nguyễn Lâm, P 7, Quận Phú Nhuận, TpHCM

ĐT liên lạc: (848) - 38663447/8663448

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Sư phạm, chuyên ngành ngữ văn

Quá trình công tác:

- 1977 - 1986: Cán bộ Trường Đại học Sư phạm Thành phố HCM, Trưởng phòng Tài vụ Trường Đại học Sư phạm TpHCM.
- 1988 - 1993: Giám đốc Công viên Văn hoá Đàm Sen - Công ty Du lịch Thành phố HCM
- 1994 - nay: Công tác tại Công ty Văn hoá Phương Nam với các chức vụ sau: Chủ tịch Công đoàn Công ty, Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát, Chủ tịch Công đoàn Công ty Văn hoá Phương Nam.

Số cổ phần nắm giữ: 719 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 719 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: Không có.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ **Ông Cao Danh Hà - Thành viên BKS.**

Giới tính: Nam
Ngày sinh: 1958
Nơi sinh: Đắk Lắk
CMND số: 020146720 do CA TPHCM cấp ngày 21/10/1995
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Đắk Lắk
Địa chỉ thường trú: 6/10G đường số 3, C xá Lữ Gia, P15, Q11, TpHCM
ĐT liên lạc: 848 - 38654140 / 0913.902170
Trình độ học vấn: Đại học
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành ngoại thương
Quá trình công tác: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hưng Vương, TpHCM
Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: 26.040 cổ phần chiếm 0,24% vốn điều lệ.
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 26.040 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : Không có.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

❖ **Bà Dương Thị Kim Đính.**

Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 03/10/1978
Nơi sinh: Bình Định
CMND số: 225165113 do CA TPHCM cấp ngày 11/01/1999 tại Khánh Hòa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Bình Định
Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Ngô Mây, K.2, Ba Ngòi, Cam Ranh, Khánh Hòa
ĐT liên lạc: (08) 37512562
Trình độ học vấn: Cao học

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2000-2002: Kế toán Công ty Giày Kwang Nam
- 2003-2005: Kế toán Công ty Biti's
- 2005- nay: Chuyên viên phòng TC-KT Tổng công ty Liksin

Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS.

Số cổ phần nắm giữ: 503.440 cổ phần chiếm 5% VDL

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: Không có

+ Đại diện sở hữu: 503.440 (cổ phần thuộc sở hữu nhà nước).

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

C. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

❖ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

➤ **Biến động của nền kinh tế**

- Kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi rõ rệt sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.
- Lạm phát gia tăng gây bất ổn trong nền kinh tế. CPI cả năm ở mức cao khoảng 11.5%.
- Lãi suất huy động duy trì ở mức rất cao do ảnh hưởng bởi chính sách tiền tệ của Chính Phủ (bình quân 12.5% -15.5%/năm đối với sản xuất-kinh doanh thông thường).
- Biến động tỉ giá ngoại tệ, cúp điện thường xuyên vào mùa khô, thời tiết không thuận lợi làm ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

➤ **Sản phẩm, dịch vụ**

- Xã hội phát triển, người tiêu dùng cũng thay đổi nhận thức, thói quen tiêu dùng và lối sống...chính vì thế đầu tư cho giáo dục trong ngân sách của các hộ gia đình ngày càng tăng, nhu cầu học hỏi và nghiên cứu về văn hóa thế giới cũng gia tăng.
- Ngày càng nhiều người tham gia vào hoạt động giao dịch thương mại điện tử, người tiêu dùng thích mua sản phẩm - dịch vụ chất lượng cao, có thương hiệu và đặc biệt các trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện nghi phát triển nhanh để đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người dân có thu nhập khá trở lên.
- Công nghệ kỹ thuật phát triển, sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú về mẫu mã, chất lượng. Vòng đời sản phẩm ngắn do thị hiếu của người tiêu dùng thay đổi nhanh. Sự xuất hiện và phát triển của các tập đoàn bán lẻ, các thương hiệu toàn cầu là thách thức lớn đối với tất cả công ty trong nước.

➤ **Cạnh tranh**

- Rào cản gia nhập hay ra khỏi ngành thấp. Bên cạnh Công ty FAHASA, PNC còn bị cạnh tranh bởi rất nhiều các nhà sách tư nhân, cửa hàng kinh doanh hàng lưu niệm, các trung tâm thương mại cao cấp...
- Hoạt động của các công ty thành viên cũng bị cạnh tranh rất lớn từ các công ty sản xuất - kinh doanh cùng ngành và nạn hàng nhái, hàng giả tràn ngập thị trường.
- Thị trường lao động cũng bị cạnh tranh rất lớn do sự gia nhập của rất nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, cũng như xu hướng thích thay đổi công việc của người lao động, sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế (ngành, địa lý) và áp lực về chi phí trả cho người lao động ngày càng cao. Do đó, năm 2010 tỉ lệ biến động nhân sự của PNC vẫn ở mức cao, (đặc biệt trong hoạt động bán lẻ). Biến động nhân sự đã ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và hiệu quả công việc của Công ty.

❖ MỘT SỐ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

➤ Hoạt động bán lẻ (hệ thống các chi nhánh, nhà sách)

- Doanh thu hệ thống bán lẻ vẫn tiếp tục là hoạt động chủ lực của toàn công ty, chiếm 67.9% doanh thu toàn hệ thống, tăng 10.68% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp của hệ thống bán lẻ năm 2010 tăng 15% so với năm 2009.
- Hệ thống bán lẻ được đầu tư sửa chữa và mở rộng ở những thành phố lớn, chú trọng ở qui mô, hàng hóa và chất lượng dịch vụ đã làm cho hệ thống phân phối ngày càng mở rộng và thương hiệu Phương Nam ngày càng được nhiều người biết đến (Kios Sân Bay Cam Ranh – Khánh Hòa, TT Văn Hóa Phương Nam – Làng Nghề Huế, Nhà sách Đà Lạt).
- Hoạt động giao lưu tại định kỳ tại các Bookcafe tiếp tục tạo hiệu ứng tốt và trở thành dấu ấn riêng biệt trong hoạt động kinh doanh của PNC. Hệ thống Bookcafe được mở rộng, đầu tư khang trang, không gian ấm cúng (Bookcafe Cần Thơ, Bookcafe Làng Nghề Huế, Bookcafe Đà Lạt), bước đầu kinh doanh khá hiệu quả.
- Phòng Marketing thường xuyên tổ chức các chương trình bán hàng lưu động, chợ giảm giá, tham gia hội chợ, các chương trình khuyến mại nhân dịp Lễ (14/2, 8/3, 30/4, Trung thu, 2/9, Halloween, 20/10, 20/11, Noel, Tết) thúc đẩy gia tăng doanh số bán hàng

➤ Hoạt động Công ty thành viên

Doanh thu của công ty thành viên chiếm 32.1% doanh thu toàn hệ thống, bằng 96.38% so với năm 2009.

Trong năm, các công ty đã có nhiều biện pháp kiểm soát chi phí đầu vào và chi phí hoạt động, do đó tỉ lệ LNG của các công ty đều đạt hoặc cao hơn kế hoạch (trừ PNP). Năm 2010, PNB đã vượt chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận là 49.6%; PNF vượt kế hoạch lợi nhuận là 15.5%.

🚩 Công ty Phương Nam Phim (PNF)

- PNF tiếp tục là đơn vị dẫn đầu trong lĩnh vực phát hành Home video. Hoạt động nổi bật là việc liên kết phát hành hơn 70 bộ phim Việt Nam của các Hãng Phim Việt Nam nhân kỷ niệm 50 năm bộ phim Việt Nam đầu tiên ra đời và chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. PNF tiếp tục nhập khẩu đĩa thành phẩm từ Innoform, đồng thời thỏa thuận độc quyền phát hành tại Việt nam những bộ phim nổi tiếng của các hãng Warner Bros, Disney, Fox (Chúa Tể Những Chiếc Nhẫn, Dị nhân Benjamin, Sát Thủ Dấu mặt, Avatar, Alice ở xứ sở thần tiên, Alvin, Highschool Musical...), các bộ phim thiếu nhi của Trung quốc và Nhật Bản; PNF cũng phát hành thành công nhiều album ca nhạc của các ca sĩ, nhạc sĩ: Phạm Duy, Đức Tuấn, Tuấn Hưng, Lệ Quyên, Tùng Dương, Mỹ Lệ, Hồng Hạnh, Thanh Long Bass...
- PNF đã gia tăng doanh thu qua việc mở rộng bán quyền phát sóng các bộ phim trên đài truyền hình. Tiếp nối thành công việc liên doanh sản xuất phim chiếu Tết năm 2009, PNF tiếp tục liên doanh sản xuất phim chiếu Tết năm 2010 “Những Nụ Hôn Rực Rỡ” đạt doanh thu và lợi nhuận cao. Trong năm, PNF đã tổ chức thành công liveshow Phạm Duy “Mơ Giấc Mộng Dài” trong 2 đêm tại nhà hát Hòa Bình.
- Công ty đã tích cực tham gia gian hàng và các hoạt động giao lưu tại Hội chợ sách Quốc Tế năm 2010 tại CV Lê Văn Tám (tháng 03/2010) và các hội chợ sách giảm giá của công ty PNC như hội chợ Lê Thánh Tôn (tháng 11/2010 và tháng 12/2010). Đặc biệt

hội chợ băng đĩa tại TP.HCM (tháng 6/2010 và tháng 12/2010), hội chợ băng đĩa kỷ niệm 1000 năm Thăng Long tại Hà Nội (tháng 10/2010) đã đem lại hiệu quả về doanh thu và PR rất lớn cho PNF.

Công ty TNHH một thành viên Sách Phương Nam (PNB)

- Công ty Sách Phương Nam (PNB) tiếp tục khẳng định vị thế là một nhà làm sách chuyên nghiệp và phát hành sách hàng đầu tại Việt Nam. PNB đã liên kết sản xuất 83 tựa sách, độc quyền phát hành 102 tựa sách.
- PNB không ngừng tìm tòi, sáng tạo và đa dạng hóa sản phẩm với nhiều thể loại sách như: Sách võ hiệp (*Bộ truyện của Kim Dung, Diệt Tàn, Bá Hán,...*), sách chính trị-xã hội (*Bí Mật Tam Giác Vàng,...*), sách về văn hóa (*Nguyễn Trãi, Minh Sư,...*), sách kinh tế (*Chiếc xe Lexus và cây oliu,...*), sách hồi ký - chân dung (*Hồi Ký Trần Văn Khê 1,2,...*), sách kiến thức - giải trí (*Nói sao cho trẻ chịu nghe, ...*), sách sống đẹp - tâm lý (*Sức mạnh của sự tử tế,...*), sách Tôn giáo (*Giận, thiền tập cho người bận rộn,...*), văn học Việt Nam (*Khói trời lộng lẫy,...*), văn học nước ngoài (*socola chạy trốn,...*), văn học cho thiếu nhi (*chuyện nhỏ trong thế giới lớn,...*) đạt doanh thu cao. Đặc biệt, trong năm 2010 công ty đã cho ra mắt sản phẩm AudioBook được dư luận đánh giá cao.
- Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy phát hành, mở thêm các đại lý phân phối, mở rộng quan hệ với các công ty sách, ... Tổ chức 11 sự kiện giao lưu họp báo, tọa đàm, quảng bá sản phẩm, đưa tin, bài thường xuyên: điểm tin, bài viết, phát thanh và truyền hình trên toàn quốc (VTV1, HTV9, báo Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Phụ Nữ, Thể thao văn hóa, Người Lao Động...), tham gia hội chợ sách Quốc Tế năm 2010 tại TP.HCM (tháng 03/2010) và các hội sách do PNC tổ chức.

Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam (PNSC)

- Năm 2010, công ty PNSC đã tập trung củng cố lại cơ cấu nhân sự, định hướng tập trung vào các sản phẩm từ giấy và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty bắt đầu sản xuất các mặt hàng mới độc đáo qua việc mua hình ảnh độc quyền của các nhãn hàng nổi tiếng (Tom&Jerry, Batman); chú trọng kinh doanh các sản phẩm có chất lượng tốt, đem lại hiệu quả cao và từng bước mở rộng mạng lưới kinh doanh khu vực miền Đông.
- Sản phẩm tập của PNSC đã tạo được chỗ đứng trên thị trường được người tiêu dùng tin cậy và là đối tác cung cấp tập cho 01 số Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học các tỉnh như: Sóc Trăng, Trà Vinh, Huế...
- Công ty đang tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước sản xuất - kinh doanh các sản phẩm trong lĩnh vực văn phòng phẩm để hợp tác kinh doanh hoặc phân phối độc quyền tại Việt Nam.

Công ty In Phương Nam (PNP)

- Đội ngũ công nhân in thường xuyên biến động, tay nghề yếu và ảnh hưởng của cạnh tranh trong ngành in ngày càng gay gắt dẫn đến hoạt động của Công ty đạt hiệu quả thấp.
- Từ tháng 9/2010, công ty đã chuyển sang hình thức cho thuê hoạt động.

D. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phan Thị Lệ	Chủ tịch HĐQT	11	100%	
2	Nguyễn Hữu Hoạt	Phó Chủ tịch HĐQT	11	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	10	91%	Bận công tác
4	Trần Thị Mai	Thành viên HĐQT	11	100%	
5	Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	11	100%	
6	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	11	100%	
7	Phạm Vĩnh Đức	Thành viên HĐQT	7	64%	Trúng cử TV HĐQT từ tháng 04/2010

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị của công ty đã tổ chức 11 cuộc họp để thảo luận và thông qua các nội dung sau:

- Đánh giá hoạt động của công ty năm 2009, và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010
 - Thông qua nội dung và kế hoạch tổ chức Đại Hội Cổ Đông lần XI-2010
 - Thông qua các kế hoạch huy động vốn và các phương án kinh doanh, đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2012, phân công công việc và nhiệm vụ đối với thành viên HĐQT
 - Tăng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng
 - Mua 500.000 cổ phiếu PNC làm cổ phiếu quỹ bằng nguồn vốn thặng dư của công ty theo báo cáo tài chính năm 2009.
 - Mua tiếp 314.350 cổ phiếu PNC làm cổ phiếu quỹ bằng nguồn vốn thặng dư của công ty theo báo cáo tài chính đến 30/06/2010.
 - Thông qua báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2010
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:
- Ông Phạm Vĩnh Đức trúng cử thành viên Hội Đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010-2012 từ ngày 10/04/2010
- Thù lao của các thành viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/ tháng. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2010 là: 160.000.000 đồng

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình SXKD của Công ty năm 2010 hàng quý.
- Theo dõi kết quả thực hiện đối với những kiến nghị của Ban Kiểm soát năm 2010.
- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: 1.500.000 đồng/người/ tháng. Tổng mức thù lao của ban Kiểm soát năm 2010 là 54.000.000 đồng.
- Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:
 - o Bà Dương Thị Kim Đính trúng cử thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2010-2012 từ ngày 10/04/2010

❖ **Ban điều hành:**

Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: Tiền lương của Ban Tổng giám đốc: 105.000.000 đồng/tháng. Tổng ngân sách tiền lương Ban Tổng Giám đốc cả năm 2010 là 1.260.000.000 đồng.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Với diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình sản xuất – kinh doanh của PNC gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực và tâm huyết của Ban Giám Đốc đã không ngừng nâng cao năng lực quản lý hệ thống và tìm kiếm cơ hội phát triển Công ty.

Công ty đã chú trọng công tác nâng cấp các ứng dụng của phần mềm quản lý hệ thống ERP giúp gia tăng hiệu quả kiểm soát doanh thu, chi phí, công nợ, hàng tồn kho và nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động bán hàng, quản trị doanh nghiệp.

Hoạt động Quản trị nhân sự đã cố gắng đưa ra nhiều giải pháp nhằm ổn định nhân sự, nâng cao chất lượng dịch vụ bằng các chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ, điều chỉnh các chính sách lương – thưởng kịp thời để khuyến khích người lao động tăng hiệu quả công việc.

Các buổi thảo luận, phân tích, đánh giá hoạt động của từng nhà sách thực hiện thường xuyên đã đưa ra các giải pháp và chương trình hỗ trợ bán hàng nhằm giúp hoạt động kinh doanh của HTBL được cải thiện và chuẩn hóa.

Hoạt động khai thác và cung ứng hàng hóa của Trung tâm mua hàng cho hệ thống bán lẻ của Công ty luôn được đặt lên hàng đầu. Mặc dù hoạt động này còn phải tiếp tục hoàn thiện, nhưng Công ty đã thành công trong việc gia tăng tỉ lệ LNG, kiểm soát tốt hàng tồn kho và nợ nhà cung cấp.

Hoạt động kiểm tra, giám sát được tiến hành định kỳ, thường xuyên đối với các chi nhánh, nhà sách và công ty thành viên đã giúp Công ty kiểm soát được các rủi ro trong hoạt động SXKD của từng đơn vị.

Công tác quản trị dự án đầu tư được nâng cao: Cân nhắc thực hiện đối với từng dự án nhằm nâng cao hiệu suất đầu tư; thường xuyên theo dõi, đánh giá hoạt động của các dự án mới để có giải pháp hỗ trợ kịp thời.

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

➤ Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân năm 2010: 1.096 người
- Thu nhập bình quân: 3.113.611 đồng/ người/ tháng

➤ Chính sách đối với người lao động

Chính sách đãi ngộ

Cán bộ - nhân viên của Công ty được hưởng các chế độ phúc lợi như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, tiền ăn giữa ca, tiền trực đêm, phụ cấp xăng dầu, phụ cấp trượt giá,...

Công ty có chính sách ưu đãi cho những lao động giỏi, cụ thể trong hệ số lương của nhân viên, ngoài hệ số lương cơ bản theo chế độ Nhà nước còn có hệ số lương theo tính chất và trách nhiệm của công việc, lương công việc chiếm tỷ trọng cao trong tiền lương của CB - NV. Đối với toàn bộ hệ thống nhà sách, Công ty con: CBCNV được hưởng lương theo doanh thu, theo đó, lương nhân viên

gồm lương cơ bản chiếm 20% và lương tính theo doanh thu, khối lượng công việc được giao, trách nhiệm và mức độ quan trọng của vị trí công việc trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Người lao động trong Công ty Văn hoá Phương Nam ngoài việc được hưởng các quyền lợi được quy định trong Bộ Luật Lao động còn được Công ty đãi ngộ dưới nhiều hình thức khác như khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát, tham quan - du lịch,...

Hàng năm, Công ty tiến hành trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm để sử dụng vào việc chi khen thưởng và các phúc lợi xã hội như thai sản, hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn ...

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân có công lao đóng góp đối với hoạt động của Công ty, đồng thời có biện pháp xử phạt và kỷ luật nghiêm khắc đối với những cá nhân có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến Công ty...

Chính sách lao động

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc 7,5 giờ một ngày, mỗi tuần nhân viên được nghỉ 1,5 ngày. Thời gian làm việc được quản lý chặt chẽ thông qua các Trưởng bộ phận và Phòng Quản trị Hành chính.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, có điều hoà nhiệt độ, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Công tác an toàn lao động được đặt lên hàng đầu, các nguyên tắc an toàn kỹ thuật được tuân thủ nghiêm ngặt. Phòng Hành chính theo dõi lịch bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị của bộ phận kỹ thuật để đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động. Công ty cũng đã tiến hành mua bảo hiểm tai nạn cho nhân viên.

Các hoạt động đoàn thể như: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS được duy trì đều đặn.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Đối với cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ: Cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ - chuyên môn phải có trình độ đại học. Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo - đặc biệt là đào tạo về kỹ năng quản lý, điều hành, đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị.

Đối với lao động phổ thông, thời vụ: Việc tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau khi được tuyển dụng, số nhân viên này được đào tạo về kiến thức giao tiếp ứng xử và hướng dẫn các thao tác phục vụ khách, xử lý các tình huống, vv...

Công ty có kế hoạch xuyên suốt từ đầu năm về việc tổ chức thực hiện hoặc gửi nhân viên tham gia các khóa đào tạo huấn luyện nghiệp vụ ngắn hạn do các trường chuyên nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh giảng dạy. Nội dung các khóa đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên và tạo nguồn bổ sung vào các vị trí chủ chốt của Công ty.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

STT	TÊN	CHỨC VỤ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
1	Phan Thị Lệ	Chủ tịch HĐQT	550.229	550.229
2	Nguyễn Hữu Hoạt	P. Chủ tịch HĐQT	38.324	38.324
3	Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	310	310
4	Trần Thị Mai	Thành viên HĐQT	68.152	68.152
5	Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	36.096	36.096
6	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên HĐQT	24.641	24.641
7	Phạm Vĩnh Đức	Thành viên HĐQT	0	179.03

Ghi chú: Số đầu kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/03/2010. Số cuối kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 10/02/2011.

- ❖ Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước: Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn (trên 5%)

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước: Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin	701 Kinh Dương Vương, E25-K300 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, TpHCM	1.510.320	15,01%
2	Phan Thị Lệ	Bình, TpHCM	550.229	5,47%
	Tổng cộng		2.060.549	20,48%

Ghi chú: Số lượng CP theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 10/02/2011

- ❖ Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Thông tin chi tiết về cổ đông lớn góp vốn

Stt	Tên	Số ĐKNŞH	Địa chỉ	Quốc Tịch	Số CP sở hữu	Đầu kỳ	Cuối kỳ
1	THE CARAVEL FUND INTEREFFEKT INVESTMENT	37305	6 Front Street, Hamilton, Bermuda HM-11	Bermuda	694.4	566.4	
2	FUNDS N.V.	CA2687	Sewei 2, 8501 SP Joure, The Netherlands	Netherlands	305.8	405.8	
3	Jo Soo Hee	IA1649	45 KP 7, Bình Hưng Hoa, Dist Bình Tân, Hcmc	Korea	62.5	62.5	
4	Willem Stuive Global Frontiers Select Equity	BYB3L504	Sluispolderweg 9, 1505 HJ Zaandam, The Netherlands	Netherlands	65	50	
5	Fund, L.P	CA2941	150 West Main Street Abingdon, VA24210	Netherlands	0	50	

Ghi chú: Số đầu kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 26/03/2010. Số cuối kỳ: theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 10/02/2011

E. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		258,671,560,372	212,414,555,114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14,805,507,614	12,712,622,388
1. Tiền	111		14,805,507,614	12,712,622,388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	38,000,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38,000,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	61,784,581,209	57,873,951,873
1. Phải thu khách hàng	131		34,106,655,353	34,047,220,108
2. Trả trước cho người bán	132		14,714,007,130	12,604,195,048
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		14,507,870,889	11,915,710,055
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,543,952,163)	(693,173,338)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	135,748,820,824	134,265,194,365
1. Hàng tồn kho	141		135,800,663,224	134,317,036,765
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51,842,400)	(51,842,400)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,332,650,724	7,562,786,488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,976,452,672	2,362,925,522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		401,875,733	984,679,674
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	718,064,163	351,233,347
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	3,236,258,156	3,863,947,945
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97,759,665,351	98,829,224,534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9,928,000	94,320,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		9,928,000	94,320,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		55,414,125,261	58,680,861,371
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	50,115,940,216	53,327,644,513
+ Nguyên giá	222		92,239,191,551	88,326,677,187
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,123,251,335)	(34,999,032,674)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.8	528,869,125	676,460,519
+ Nguyên giá	225		887,980,197	887,980,197
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(359,111,072)	(211,519,678)
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	1,529,008,743	1,543,234,376
+ Nguyên giá	228		2,836,545,013	2,478,296,615
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,307,536,270)	(935,062,239)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	3,240,307,177	3,133,521,963
III. Bất động sản đầu tư	240	5.11	-	-
+ Nguyên giá	241		34,364,000	332,114,000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34,364,000)	(332,114,000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	28,082,138,444	29,008,424,984
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14,821,026,900	14,583,906,900
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13,261,111,544	15,538,908,393
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(1,114,390,309)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14,253,473,646	11,045,618,179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10,041,996,941	7,463,633,399
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	597,481,194	362,945,121
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.14	3,613,995,511	3,219,039,660
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		356,431,225,722	311,243,779,648

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		217,480,917,528	169,164,478,272
I. Nợ ngắn hạn	310		202,072,076,223	151,845,422,172
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.15	80,874,651,535	38,194,892,988
2. Phải trả người bán	312	5.16	96,259,627,966	92,696,754,129
3. Người mua trả tiền trước	313	5.16	3,435,762,259	2,346,444,075
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.17	1,477,614,244	1,400,540,415
5. Phải trả người lao động	315	5.18	3,724,804,980	3,116,457,369
6. Chi phí phải trả	316	5.19	10,538,812,384	8,501,419,149
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.20	7,379,256,753	6,968,002,226
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.21	(1,618,453,898)	(1,379,088,179)
II. Nợ dài hạn	330		15,408,841,305	17,319,056,100
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.22	2,884,272,269	2,093,330,183
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.23	12,176,212,681	14,841,627,703
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	6.8	61,219,809	39,173,788
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		124,682,912	217,172,936
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		162,453,634	127,751,490
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.24	138,950,308,194	142,079,301,376
I. Vốn chủ sở hữu	410		138,950,308,194	142,079,301,376
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,589,060,000	100,589,060,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34,551,810,046	34,551,810,046
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2,616,000,640)	(32,400,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	19,247
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		970,956,900	2,002,730,165
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		656,745,643	1,827,959,643
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4,797,736,245	3,140,122,275
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		356,431,225,722	311,243,779,648

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		3.589.936.386	4.689.433.760
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			-
+ USD		137,15	237,53
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃ THÁI HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Đơn vị tính là **Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác**

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	307,256,502,909	301,479,746,130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	7,371,621,894	8,851,115,243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	299,884,881,015	292,628,630,887
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	203,049,558,456	210,757,884,284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96,835,322,559	81,870,746,603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3,985,104,726	2,400,614,612
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8,502,006,044	5,284,063,282
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		8,007,665,262	4,347,146,044
8. Chi phí bán hàng	24		75,317,129,148	66,987,359,264
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19,316,444,979	17,354,009,015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2,315,152,886)	(5,354,070,347)
11. Thu nhập khác	31	6.5	23,857,591,387	11,374,434,969
12. Chi phí khác	32	6.6	11,692,130,321	1,328,606,568
13. Lợi nhuận khác	40		12,165,461,066	10,045,828,401
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		9,850,308,180	4,691,758,054
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		4,655,163,801	1,251,565,783
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.7	(212,490,053)	(32,956,872)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		5,407,634,432	3,473,149,143
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		5,407,634,432	3,473,149,143
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.24	541	531

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THÁI HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011
 TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THỊ LỆ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV & doanh thu khác	01		430,879,043,955	352,192,107,153
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa DV	02		(398,956,450,259)	(292,528,218,834)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38,250,754,630)	(38,551,938,767)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8,007,665,262)	(3,860,360,568)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5,146,297,993)	(1,711,370,049)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7,544,338,081	24,011,295,418
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(44,540,428,547)	(48,385,552,872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(56,478,214,655)	(8,834,038,519)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(551,544,741)	(1,033,188,009)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		23,309,090,909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,065,197,439	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,137,120,000)	(2,536,756,282)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,000,000,000	1,674,756,282
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,670,996,100	869,214,476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25,356,619,707	(1,025,973,533)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2,583,600,640)	(1,300,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		223,925,082,885	118,461,492,596
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(183,630,023,360)	(119,260,628,357)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(280,716,000)	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,216,262,711)	(2,598,704,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		33,214,480,174	15,302,160,239
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2,092,885,226	5,442,148,187
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,712,622,388	7,270,474,201
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14,805,507,614	12,712,622,388

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.589.060.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;

- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Số 496 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP HCM	100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Số 160/13 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Số 160/12 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %

1.5. Danh sách công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	25,00%	25,00%
4.	Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	23,08%	23,08%
5.	Công ty CP Mega Phương Nam		32,00%	32,00%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do chưa thu thập đủ thông tin.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh

toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 14 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 -50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tập đoàn.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư

đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư
Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào đặc thù từng loại chi phí.

4.10. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được theo dõi và tập hợp lại và sau đó phân bổ theo đặc thù từng loại chi phí.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.12. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì

- doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh

hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này – xem thêm mục 11.

Ngoài ra, khoản mục đầu tư vào Công ty Truyền Thông Megastar được trình bày lại ở khoản mục đầu tư dài hạn khác (năm 2009 trình bày ở khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết). Nguyên nhân là do trong năm 2010 Công ty Truyền Thông Megastar có văn bản xác nhận quyền kiểm soát của Công ty CP Văn Hóa Phương Nam trong công ty này là 10%.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.839.501.229	1.424.588.314
Tiền gửi ngân hàng	11.966.006.385	11.288.034.074
Tổng cộng	14.805.507.614	12.712.622.388

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn. Trong đó, khoản tiền gửi tiết kiệm 34.000.000.000 đồng có kỳ hạn 1 năm được thế chấp cho khoản vay ngân hàng. (xem thêm mục 5.15)

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	34.106.655.353	34.047.220.108
Trả trước cho người bán	14.714.007.130	12.604.195.048
Các khoản phải thu khác	14.507.870.889	11.915.710.055
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	63.328.533.372	58.567.125.211
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.543.952.163)	(693.173.338)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	61.784.581.209	57.873.951.873

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản phải thu	80.184.154	2.035.700
Trả trước cho người bán	1.620.054.961	2.030.412.611

Các khoản phải thu khác	126.746.073	271.234.611
Cộng - xem thêm mục 8	1.826.985.188	2.303.682.922
5.4. Hàng tồn kho		
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.091.576.784	4.209.767.142
Công cụ, dụng cụ	28.215.000	28.215.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.848.842.281	12.068.451.407
Thành phẩm	15.529.361.130	13.421.065.554
Hàng hóa	97.917.823.239	99.140.489.839
Hàng gửi bán	5.384.844.790	5.449.047.823
Cộng giá gốc hàng tồn kho	135.800.663.224	134.317.036.765
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.842.400)	(51.842.400)
Giá trị thuần có thể thực hiện	135.748.820.824	134.265.194.365
5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.		
5.6. Tài sản ngắn hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.230.095.394	1.268.033.695
Tạm ứng	742.339.762	1.718.681.606
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	263.823.000	877.232.644
Tổng cộng	3.236.258.156	3.863.947.945

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.166.061	4.993.859	13.102.384	16.558.803	505.572	88.326.677
Mua trong năm	9.592.029	112.387	49.591	3.620.164	-	13.374.171
Thanh lý, nhượng bán	(5.850.336)	(40.000)	(655.671)	(2.415.304)	-	(8.961.311)
Giảm khác	(500.345)	-	-	-	-	(500.345)
Số dư cuối năm	<u>56.407.408</u>	<u>5.066.246</u>	<u>12.496.303</u>	<u>17.763.663</u>	<u>505.572</u>	<u>92.239.192</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.422.252	3.891.374	8.028.656	8.548.660	108.091	34.999.033
Khấu hao trong năm	5.922.118	249.836	1.223.839	2.988.734	105.460	10.489.987
Thanh lý, nhượng bán	(1.668.216)	(7.000)	(478.730)	(1.211.823)	-	(3.365.768)
Số dư cuối năm	<u>18.676.154</u>	<u>4.134.210</u>	<u>8.773.766</u>	<u>10.325.571</u>	<u>213.551</u>	<u>42.123.251</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	38.743.808	1.102.485	5.073.728	8.010.143	397.481	53.327.645
Tại ngày cuối năm	<u>37.731.253</u>	<u>932.036</u>	<u>3.722.538</u>	<u>7.438.092</u>	<u>292.021</u>	<u>50.115.940</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.176.765.404 đồng

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	887.980.197
Số dư cuối năm	887.980.197
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	211.519.678
Khấu hao trong năm	147.591.394
Số dư cuối năm	359.111.072
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	676.460.519
Tại ngày cuối năm	528.869.125

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	50.540.920	2.427.755.695	2.478.296.615
Mua trong năm	23.146.670	335.101.728	358.248.398
Số dư cuối năm	73.687.590	2.762.857.423	2.836.545.013
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.635.144	926.427.095	935.062.239
Khấu hao trong năm	38.213.965	334.260.066	372.474.031
Số dư cuối năm	46.849.109	1.260.687.161	1.307.536.270
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	41.905.776	1.501.328.600	1.543.234.376
Tại ngày cuối năm	26.838.481	1.502.170.262	1.529.008.743

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Các công trình nhà sách	2.870.738.928	1.460.966.360
Công trình văn phòng làm việc PNC	-	364.969.496
Công trình cửa hàng băng đĩa	158.750.000	148.000.000
Phòng kinh doanh qua mạng	210.818.249	458.110.313
Chuỗi nhận diện hệ thống PNC	-	416.155.173
Đào tạo cán bộ kế thừa	-	229.790.621
Website PNC	-	49.700.000
CP đầu tư XDCB dở dang khác	-	5.830.000
Tổng cộng	3.240.307.177	3.133.521.963

5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	332.114.000
Giảm trong năm	(297.750.000)
Số dư cuối năm	34.364.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	332.114.000
Giảm trong năm	(297.750.000)
Số dư cuối năm	34.364.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	-

5.12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	14.821.026.900	14.583.906.900
Đầu tư dài hạn khác	13.261.111.544	15.538.908.393
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	28.082.138.444	30.122.815.293
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.114.390.309)

Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	28.082.138.444	29.008.424.984
---	-----------------------	-----------------------

Danh sách các công ty liên kết, liên doanh mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2010	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Quyền biểu quyết
Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Liên doanh	9.584.000.000	59,90%	50,00 %
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Liên kết	2.500.000.000	25,00%	25,00 %
Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Liên kết	2.499.906.900	23,08%	23,08%
Công ty CP Mega Phương Nam	Liên kết	237.120.000	32,00%	32,00%
Cộng		14.821.026.900		-

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu các Công ty	-	2.146.346.209
Đầu tư dài hạn khác	13.261.111.544	13.392.562.184
Tổng cộng	13.261.111.544	15.538.908.393

Đầu tư dài hạn khác chủ yếu là đầu tư vào Công ty Truyền Thông Megastar với giá trị là 12.653.840.314 đồng, tương ứng tỉ lệ góp vốn là 10%.

5.13. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	232.405.768	7.500.000
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	23.453.898	23.453.898
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến của giao dịch nội bộ năm 2000	341.621.528	331.991.223
Tổng cộng	597.481.194	362.945.121

5.14. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ thuê tài chính	219.570.000	187.366.400
Ký quỹ thuê kho, mặt bằng	3.379.425.511	3.016.673.260

Ký quỹ khác	15.000.000	15.000.000
Tổng cộng	<u>3.613.995.511</u>	<u>3.219.039.660</u>

5.15. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	79.687.520.135	37.890.783.988
Vay đối tượng khác	1.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	187.131.400	304.109.000
Tổng cộng	<u>80.874.651.535</u>	<u>38.194.892.988</u>

Khoản vay Ngân hàng bao gồm khoản vay tín chấp và khoản vay được thế chấp bằng bất động sản và sổ tiền gửi tiết kiệm của Công ty (xem thêm mục 5.2). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và đầu tư xây dựng các nhà sách của Công ty. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 80.000.000.000 đồng, lãi suất vay được qui định theo từng khế ước nhận nợ. Đối với các khoản vay ngắn hạn khác, lãi suất vay từ 15%/năm đến 15,6%/năm và được điều chỉnh hàng quý.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, thời hạn vay 2 tháng và chịu lãi suất trần + biên độ dao động 5%.

Nợ thuê tài chính đến hạn trả là nợ thuê tài chính phương tiện vận tải. Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2010 là 187.131.400 đồng.

5.16. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	96.259.627.966	92.696.754.129
Người mua trả tiền trước	3.435.762.259	2.346.444.075
Tổng cộng	<u>99.695.390.225</u>	<u>95.043.198.204</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Trong các khoản phải trả có khoản phải trả các bên có liên quan số tiền là 581.933.329 đồng (năm 2009 là 77.863.002 đồng) – Xem thêm mục 8.

5.17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	630.615.431	459.429.977
Thuế xuất, nhập khẩu	68.949.946	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp	648.225.748	723.785.420
Thuế thu nhập cá nhân	129.823.119	216.254.424
Các loại thuế khác	-	1.070.594
Tổng cộng	1.477.614.244	1.400.540.415
5.18. Phải trả người lao động		
Là khoản phải trả lương tháng 12 và thưởng năm 2010.		
5.19. Chi phí phải trả		
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí liên kết phát hành	8.564.657.423	6.338.999.743
Chi phí phải trả khác	1.974.154.961	2.162.419.406
Tổng cộng	10.538.812.384	8.501.419.149
5.20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	1.300.313.250	716.844.972
Kinh phí công đoàn	143.693.235	78.336.415
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	63.288.936	235.776.961
Trợ cấp thất nghiệp	19.287.945	34.951.940
Cổ tức phải trả	2.639.169.600	2.647.129.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.213.503.787	3.254.962.338
Tổng cộng	7.379.256.753	6.968.002.226
5.21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(1.379.088.179)	(732.770.452)
Trích lập trong năm	505.586.297	559.272.467
Chuyển nguồn quỹ	1.031.773.265	10.370.100
Sử dụng trong năm	(1.776.725.281)	(1.215.960.294)
Số dư cuối năm	(1.618.453.898)	(1.379.088.179)
5.22. Phải trả dài hạn khác		

	Năm nay	Năm trước
Nhận vốn góp theo HĐ hợp tác kinh doanh	726.335.156	726.335.156
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.157.937.113	521.116.000
Phải trả dài hạn khác	-	845.879.027
Tổng cộng	2.884.272.269	2.093.330.183

5.23. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	5.774.212.681	8.252.496.303
Vay đối tượng khác	6.402.000.000	6.402.000.000
Nợ thuê tài chính	-	187.131.400
Tổng cộng	12.176.212.681	14.841.627.703

Vay ngân hàng là khoản vay tín chấp trung hạn để đầu tư xây dựng các nhà sách, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất được điều chỉnh theo từng năm, lãi suất vay năm đầu tiên là 12,4%/năm.

5.24. Vốn chủ sở hữu

5.24.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch TGHD	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	65.000.000.000	48.808.872.730	(32.400.000)	-	3.144.727.481	1.507.217.800
Tăng vốn trong năm	35.589.060.000	(14.257.062.684)	-	-	(1.331.997.316)	-
Tăng khác	-	-	-	19.247	-	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	200.000.000	320.741.830
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Chi từ quỹ	-	-	-	-	(10.000.000)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	<u>100.589.060.000</u>	<u>34.551.810.046</u>	<u>(32.400.000)</u>	<u>19.247</u>	<u>2.002.730.165</u>	<u>1.827.959.630</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.583.600.640)	-	-	-
Chuyển nguồn quỹ	-	-	-	-	(1.031.773.265)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	227.734.360
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(1.398.948.360)
Giảm khác	-	-	-	(19.247)	-	-
	<u>100.589.060.000</u>	<u>34.551.810.046</u>	<u>(2.616.000.640)</u>	<u>-</u>	<u>970.956.900</u>	<u>656.745.630</u>

5.24.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	15.103.200.000	15.103.200.000
Cổ đông nước ngoài	13.160.400.000	30.002.850.000
Cổ phần bán cho các đối tượng khác	69.916.560.000	55.450.610.000
Cổ phiếu quỹ	2.408.900.000	32.400.000
Tổng cộng	100.589.060.000	100.589.060.000

5.24.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.058.906	10.058.906
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.058.906	10.058.906
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	240.890	3.240
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.818.016	10.055.666
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.24.4. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/(Lỗ) hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	5.407.634.432	3.473.149.143
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	9.991.730	6.538.681
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	541	531

5.24.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.140.122.275	3.519.330.019
Lợi nhuận sau thuế trong năm	5.407.634.432	3.473.149.143
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(200.000.000)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(227.734.366)	(320.741.836)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(505.586.296)	(559.272.467)

Chia cổ tức	(3.016.699.800)	(2.605.570.432)
Giảm khác	-	(166.772.152)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	4.797.736.245	3.140.122.275
6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất		
6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	292.903.504.815	295.058.496.570
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.352.998.094	6.421.249.560
Chiết khấu thương mại	(1.593.838.203)	(4.237.214.147)
Hàng bán bị trả lại	(5.777.783.691)	(4.613.901.096)
Doanh thu thuần	299.884.881.015	292.628.630.887
6.2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	196.903.578.688	208.721.285.469
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.857.754.721	2.036.598.815
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	288.225.047	-
Tổng cộng	203.049.558.456	210.757.884.284
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.462.599.435	180.978.991
Chiết khấu thanh toán	1.789.768.707	824.221.802
Chênh lệch tỉ giá	114.004.612	164.824.696
Lãi liên doanh và lãi đầu tư dài hạn khác	616.941.073	775.895.956
Lãi kinh doanh cổ phiếu	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu	-	454.552.982
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.790.899	140.185
Tổng cộng	3.985.104.726	2.400.614.612

6.4 Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.007.665.262	4.347.146.044
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	249.875.703	124.567.295
Lỗ chênh lệch tỷ giá	209.581.226	686.358.443
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	<u>34.883.853</u>	<u>125.991.500</u>
Tổng cộng	<u>8.502.006.044</u>	<u>5.284.063.282</u>
6.5. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	23.223.852.691	1.216.265.250
Tiền tài trợ	108.018.346	846.503.113
Tiền gửi xe	-	252.464.994
Quảng cáo	-	7.991.513
Cho thuê mặt bằng	-	1.050.877.765
Thu nhập từ tiền gói quà	-	99.872.707
Thu công nợ không ai đòi	-	1.081.400.465
Thu nhập khác	<u>525.720.350</u>	<u>6.819.059.162</u>
Tổng cộng	<u>23.857.591.387</u>	<u>11.374.434.969</u>
6.6 Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	21.822.660	2.715.050
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.696.744.426	202.998.726
Chi phí khác	<u>973.563.235</u>	<u>1.122.892.792</u>
Tổng cộng	<u>11.692.130.321</u>	<u>1.328.606.568</u>

6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	Chi phí trả trước	Lãi chênh lệch tỷ giá	Lãi chưa thực hiện của GD nội bộ	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	290.814.461	290.814.461
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm trước	23.453.898	7.500.000	(39.173.788)	41.176.762	32.956.872
Số dư đầu năm nay	<u>23.453.898</u>	<u>7.500.000</u>	<u>(39.173.788)</u>	<u>331.991.223</u>	<u>323.771.333</u>
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	-	224.905.768	(22.046.021)	9.630.306	212.490.053
Số dư cuối năm	<u>23.453.898</u>	<u>232.405.768</u>	<u>(61.219.809)</u>	<u>341.621.529</u>	<u>536.261.386</u>

Tài sản TNDN hoãn lại và Thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	597.481.194	362.945.121
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(61.219.809)	(39.173.788)
Tổng cộng	<u>536.261.386</u>	<u>323.771.333</u>

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như

- Kinh doanh nhà sách
- Phát hành sách
- Sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm
- Sản xuất, kinh doanh phim, băng đĩa
- In, thiết kế

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

ĐVT: triệu đồng

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	225.860	14.812	22.498	17.911	11.548	-	292.629
Giữa các bộ phận	-	12.101	8.930	5.435	5.321	(31.787)	-
Tổng cộng	225.860	26.913	31.427	23.346	16.869	(31.787)	292.629
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	5.691	766	(1.614)	3.133	(111)	(289)	7.575
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	5.691	766	(1.614)	3.133	(111)	(289)	7.575
Thu nhập tài chính	6.125	8	16	353	14	(4.116)	2.401
Chi phí tài chính	(4.970)	(10)	(209)	(96)	-	-	(5.284)
Thu nhập từ công ty liên kết							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	537	153	-	593	(23)	(41)	1.219
Lợi nhuận sau thuế	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6.309	611	(1.806)	2.797	(73)	(4.364)	3.473
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	279.550	35.887	16.387	29.610	19.669	(69.859)	311.244
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	279.550	35.887	16.387	29.610	19.669	(69.859)	311.244
Nợ phải trả của bộ phận	137.931	19.925	6.938	16.351	5.242	(15.844)	170.544
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	137.931	19.925	6.938	16.351	5.242	(15.844)	170.544
Chi phí mua sắm tài sản	6.850	143	234	171	1.166	-	8.564
Chi phí khấu hao	25.314	292	285	496	540	-	26.928

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD văn phòng phẩm	SXKD phim, băng đĩa	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	248.120	14.027	9.282	19.858	8.598	-	299.885
Giữa các bộ phận	-	12.336	9.504	6.526	4.995	(33.361)	-
	<u>248.120</u>	<u>26.363</u>	<u>18.786</u>	<u>26.384</u>	<u>13.593</u>	<u>(33.361)</u>	<u>299.885</u>
Tổng cộng							
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	12.043	1.493	(1.101)	3.141	(1.170)	(39)	14.367
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	12.043	1.493	(1.101)	3.141	(1.170)	(39)	14.367
Thu nhập tài chính	4.695	14	14	452	11	(1.200)	3.985
Chi phí tài chính	8.269	11	32	190	-	-	8.502
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.175	437	-	847	-	(10)	4.450
Lợi nhuận sau thuế	5.293	1.060	(1.119)	2.554	(1.160)	(1.228)	5.400
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	5.293	1.060	(1.119)	2.554	(1.160)	(1.228)	5.400
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
	<u>5.293</u>	<u>1.060</u>	<u>(1.119)</u>	<u>2.554</u>	<u>(1.160)</u>	<u>(1.228)</u>	<u>5.400</u>
Lợi nhuận thuần							
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	319.051	40.653	14.382	38.414	14.197	(70.547)	356.149
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
	<u>319.051</u>	<u>40.653</u>	<u>14.382</u>	<u>38.414</u>	<u>14.197</u>	<u>(70.547)</u>	<u>356.149</u>
Tổng tài sản hợp nhất							
Nợ phải trả của bộ phận	179.078	23.599	6.052	24.051	1.483	(17.057)	217.206
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-

Tổng nợ phải trả hợp nhất	179.078	23.599	6.052	24.051	1.483	(17.057)	217.206
Chi phí mua sắm tài sản	13.202	12	45	56	60	-	13.374
Chi phí khấu hao	8.895	161	167	188	1.078	-	10.490

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
5. Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
6. Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
7. Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết
8. Công ty CP Mega Phương Nam	Công ty liên kết

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các công ty liên kết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	1.826.985.188	2.303.682.922
Phải trả - xem thêm mục 5.16	581.933.329	77.863.002

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	-	-
Mua hàng	6.113.634.424	5.531.348.513

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	160.000.000	168.000.000
Lương Tổng Giám đốc	480.000.000	480.000.000
Tổng cộng	640.000.000	648.000.000

9. Các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính

Công ty đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với thời gian sử dụng ước tính 6 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	187.131.400	304.109.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	187.131.400
Tổng cộng	187.131.400	491.240.400

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	187.131.400	304.109.000
Dài hạn	-	187.131.400
Tổng cộng	187.131.400	491.240.400

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 02 năm 2011.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THÁI HIỆP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ LỆ

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:



Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International

Số: 11.131A/BCKTHN-2010

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax: (848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Chúng tôi đã kiểm toán bằng căn cứ kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 4 đến trang 31 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán và các báo cáo của các kiểm toán viên khác đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản chi quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.618.453.898 đồng. Khoản chi này tạm thời chưa có nguồn bù đắp và được trình bày số âm trên khoản mục quỹ khen thưởng, phúc lợi của bảng cân đối kế toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011

KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*



Phan Thị Lệ